

## KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN NĂM 2021

Căn cứ công văn số: 10/CV- CCDS ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh Lâm Đồng. V/v: Giao chỉ tiêu kế hoạch Dân số và phát triển cho Trung tâm Y tế các huyện, thành phố; Căn cứ vào kết quả thực hiện năm 2020.

Trung tâm Y tế huyện Bảo Lâm xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2021 như sau:

### Phần thứ nhất

#### MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2021

##### 1. Mục tiêu năm 2021

Chủ động duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi góp phần phát triển nhanh, bền vững.

##### 2. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2021

###### 2.1. Duy trì mức sinh thay thế, tỷ số giới tính khi sinh:

- Dân số trung bình: 120,890 người
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 10,50%
- Tổng tỷ suất sinh (TFR): 2,06 con
- Tỷ số giới tính khi sinh (trair/100 gái): 110/100
- Tỷ lệ dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc: 80%
- Số người mới sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại: 7.800 người
- Tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai (CPR): 76,93 %

###### 2.2. Nâng cao chất lượng dân số:

- Số trạm y tế thực hiện tư vấn KSK trước khi kết hôn: 7 trạm
- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, KSK trước khi kết hôn: 49,8%
- Tỷ lệ trạm y tế thực hiện tư vấn, KSK trước khi kết hôn: 50%
- Số trạm y tế thực hiện tư vấn tầm soát và quản lý tầm soát sơ sinh: 7 trạm
- Số trẻ sơ sinh tầm soát ít nhất 5 loại bệnh bẩm sinh phổ biến: 900 người
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh tầm soát ít nhất 5 loại bệnh bẩm sinh phổ biến: 50%
- Số trạm y tế thực hiện tư vấn và quản lý thai phụ có nguy cơ cao mắc các bệnh di truyền: 7 trạm
- Số trạm y tế thực hiện tầm soát phát hiện thai phụ có nguy cơ cao mắc các bệnh di truyền: 7 trạm
- Số bà mẹ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất: 880 người
- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất: 40%

###### 2.3. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi:

- Số trạm Y tế cấp xã triển khai chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và gia đình: 14 trạm
- Số NCT được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm: 2.520 người
- Tỷ lệ NCT được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm: 40,1%
- Tỷ lệ NCT được lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe: 40,1%

### **Phần thứ hai**

## **HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG**

### **1. Nội dung về quy mô dân số và mức sinh:**

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, bảo đảm quyền, trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Tập trung vận động sinh ít con hơn ở vùng, đối tượng có mức sinh cao; sinh đủ 2 con ở những nơi có mức sinh thấp, duy trì kết quả ở nơi đã đạt mức sinh thay thế.

Cung cấp đầy đủ, kịp thời các PTTT và dịch vụ KHHGĐ an toàn, hiệu quả, thuận tiện với chất lượng ngày càng tốt hơn cho các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, vùng có mức sinh cao.

Triển khai đồng bộ các giáo pháp về truyền thông giáo dục, mở rộng và đa dạng hóa các kênh cung cấp dịch vụ CSSKSS và sử dụng BPTT nhằm cải thiện rõ rệt tình trạng sức khỏe sinh sản của VTN - TN, đặc biệt là thanh niên công nhân các khu công nghiệp thông qua chương trình can thiệp giảm thiểu tình trạng có thai ngoài ý muốn và phá thai không an toàn.

Đối với địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ phù hợp; tư vấn, kiểm tra sức khỏe, phát hiện sớm, phòng, tránh các yếu tố là nguy cơ dẫn đến sinh con dị tật, mắc các bệnh, tật ảnh hưởng đến việc suy giảm nòi giống.

#### **1.1. Nguồn các phương tiện tránh thai:**

Các PTTT chủ yếu để cấp miễn phí và tiếp thị xã hội (TTXH) gồm dụng cụ tử cung, thuốc cấy tránh thai, thuốc tiêm tránh thai, viên uống tránh thai và bao cao su. Đảm bảo theo chỉ tiêu chuyên môn, bảo quản, vận chuyển và cung ứng đủ, kịp thời PTTT theo yêu cầu xã, TT.

#### **1.2. Cung ứng phương tiện tránh thai:**

1.2.1. Thúc đẩy cung ứng PTTT chuyển từ cấp miễn phí sang TTXH, xã hội hóa và thị trường thương mại. Mở rộng các kênh cung ứng PTTT, tiến tới các PTTT phi lâm sàng được đối tượng chấp nhận thông qua các kênh TTXH, xã hội hóa hoặc thị trường thương mại.

##### **a) Kênh phương tiện tránh thai cấp miễn phí**

Đối tượng được cấp miễn phí PTTT là người có đăng ký sử dụng và thuộc đối tượng được quy định tại Thông tư 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 (sau đây viết tắt là Thông tư 26)

Cán bộ dân số xã và cộng tác viên dân số lập danh sách người đăng ký sử dụng BPTT thuộc đối tượng được cấp miễn phí PTTT để trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt và thực hiện việc cấp PTTT miễn phí cho đối tượng. Việc ghi chép, thống kê danh sách đối tượng được cấp PTTT miễn phí sẽ thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 132/TCDS-QMDS ngày 25/3/2019 của Tổng cục Dân số.

##### **b) Kênh Phương tiện tránh thai tiếp thị xã hội**

Tiếp tục thực hiện TTXH các PTTT phù hợp cho đối tượng có nhu cầu sử dụng để tránh thai thông qua mạng lưới TTXH.

Tổng cục Dân số cung cấp sản phẩm TTXH đã đóng gói theo quy định. Các đơn vị thực hiện TTXH (Trung tâm Tư vấn và Cung ứng dịch vụ và các đơn vị khác được giao) triển khai TTXH theo quy định. Chi cục DS-KHHGĐ, Trung tâm Y tế huyện tham gia làm đại lý và cán bộ dân số cấp xã, CTV dân số tham gia bán lẻ các sản phẩm PTTT. Các chi phí phân phối sản phẩm, hoa hồng bán lẻ cho mỗi nhãn sản phẩm TTXH theo hướng dẫn của các đơn vị thực hiện TTXH.

Chế độ quản lý tài chính đối với hoạt động tiếp thị xã hội các PTTT thực hiện theo Thông tư liên tịch số 25/2013/TTLT-BYT-BTC ngày 04/9/2013.

c) Kênh phương tiện tránh thai xã hội hóa

Tiếp tục triển khai thực hiện xã hội hóa PTTT theo Quyết định số 2350/QĐ-BYT ngày 07/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt dự án xây dựng và thí điểm mô hình xã hội hóa cung cấp PTTT, hàng hóa sức khỏe sinh sản theo phân khúc thị trường giai đoạn 2016-2020.

Tổng cục Dân số bảo đảm nguồn cung cấp các sản phẩm PTTT, hàng hóa sức khỏe sinh sản theo quy định. Các đơn vị phân phối, Chi cục Dân số - KHHGĐ, Trung tâm Y tế huyện tổ chức triển khai theo dự án mô hình đã được phê duyệt.

1.2.2. Quản lý chất lượng PTTT: Tăng cường quản lý chất lượng PTTT trên thị trường; Kiểm định và giám sát chất lượng PTTT theo quy định.

1.2.3. Quản lý hậu cần PTTT: Phát triển hệ thống thông tin quản lý hậu cần PTTT (LMIS) theo hướng bao quát các nguồn PTTT (miễn phí, TTXH, xã hội hóa...). Đầu tư củng cố hệ thống kho hậu cần, bảo quản PTTT, đảm bảo bảo quản, vận chuyển cung ứng PTTT theo đúng quy định.

**1.3. Cung cấp dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình:**

1.3.1. Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ KHHGĐ tại các cơ sở y tế theo phân tuyến kỹ thuật trên cơ sở tăng cường tập huấn người làm dịch vụ KHHGĐ về chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng tư vấn và giám sát chất lượng dịch vụ.

- Chi thực hiện dịch vụ KHHGĐ và sử lý tai biến theo chuyên môn y tế cho người được cấp PTTT miễn phí: Thực hiện theo thông tư 26.

- Chi thực hiện dịch vụ KHHGĐ và sử lý tai biến theo chuyên môn y tế cho người còn lại (TTXH, xã hội hóa hoặc tự chi trả): Thực hiện theo nghị quyết 156/NQ-HĐND ngày 10 tháng 07 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế và mức giá dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại cơ sở y tế công lập (gọi tắt là Nghị quyết số 156/NQ-HĐND). Cụ thể như sau:

- + Đặt dụng cụ tử cung: 240.000 đồng/ca
- + Triệt sản nữ: 2.897.000 đồng/ca
- + Triệt sản nam: 1.337.000 đồng/ca
- + Thuốc cấy tránh thai: 230.000 đồng/ca
- + Tiêm thuốc: 48.000 đồng/4 mũi
- Hỗ trợ chi chính sách triệt sản là 420.000 đồng/trường hợp, gồm:
  - + Hỗ trợ người tự nguyện triệt sản là 300.000 đồng
  - + Hỗ trợ cán bộ y tế cấp xã chăm sóc người tự nguyện triệt sản tại nhà sau phẫu thuật là 50.000 đồng
  - + Hỗ trợ chi phí đi lại để đưa người triệt sản đến trung tâm làm kỹ thuật hoặc đưa cán bộ y tế xuống xã hoặc cụm kỹ thuật làm phẫu thuật là 70.000 đồng.

Nội dung và mức chi cụ thể theo Thông tư 26; Thông tư 06/2009/TT-BYT ngày 26/6/2009 của Bộ Y tế quy định về định mức thuốc thiết yếu và các vật tư tiêu hao trong

các dịch vụ, thủ thuật chăm sóc sức khỏe sinh sản; Nghị quyết số 156/NQ –HĐND và các quy định chế độ tài chính hiện hành.

1.3.2. Tổ chức chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ KHHGD/SKSS tại các xã thuộc vùng khó khăn; địa bàn mức sinh cao, địa bàn trọng điểm. Số lượng xã do Trung tâm lựa chọn trong phạm vi dự toán được giao và do ngân sách địa phương đảm bảo.

1.3.3. Tiếp tục triển khai Dự án “Tăng cường tiếp cận bền vững các dịch vụ KHHGD và CSSKSS chất lượng tại Việt Nam” do Tổ chức Marie Stopes International viện trợ.

#### **1.4. Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ DS-KHHGD cho vị thành niên, thanh niên:**

Triển khai thực hiện các hoạt động của Đề án Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ DS-KHHGD cho vị thành niên, thanh niên tại 14 xã, TT trong huyện nhằm mở rộng khả năng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ CSSKSS thân thiện với vị thành niên, thanh niên, giảm tình trạng vị thành niên, thanh niên mang thai ngoài ý muốn. Tập trung một số hoạt động như sau:

- Tổ chức các hoạt động tư vấn cho vị thành niên, thanh niên; cung cấp thông tin, kiến thức về chăm sóc SKSS, dịch vụ DS-KHHGD cho VTN-TN.

- Vận động gia đình, nhà trường tạo điều kiện cho VTN/TN được chủ động tìm hiểu, tiếp cận các thông tin, kiến thức về chăm sóc SKSS/KHHGD.

#### **2. Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh:**

Kiểm soát tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh theo kế hoạch số 1196/KH-UBND ngày 03/3/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc triển khai Đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020.

2.1. Tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người dân đối với công tác kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh:

Cung cấp thông tin giáo dục, truyền thông về giới và mất cân bằng giới tính khi sinh cho người dân, tập trung là các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, những người cung cấp dịch vụ siêu âm và dịch vụ nạo phá thai, những người có uy tín trong cộng đồng nhằm hạn chế các hành vi không phù hợp với việc sinh đẻ theo quy luật tự nhiên.

Cung cấp thông tin cho nam, nữ thanh niên đến đăng ký kết hôn tại nơi đăng ký kết hôn giúp cho nam, nữ thanh niên chuẩn bị lập gia đình hiểu được tác hại của việc lựa chọn giới tính khi sinh và các quy định của pháp luật về nghiêm cấm hành vi lựa chọn giới tính.

Nói chuyện chuyên đề nhằm cung cấp kiến thức về giới, bình đẳng giới và giới tính khi sinh, các quy định về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi cho cộng đồng khu dân cư tạo sự ủng hộ trong xã hội.

2.2. Cung cấp thông tin, tài liệu, sản phẩm truyền thông về mất cân bằng giới tính khi sinh:

Cung cấp các văn bản truyền thông để cấp cho các đối tượng phù hợp như: Tài liệu hướng dẫn tư vấn; tờ rơi truyền thông về giới và giới tính khi sinh; băng/đĩa hình tuyên truyền về hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh, các quy định về nghiêm cấm lựa chọn giới tính khi sinh, các hoạt động của đề án.

Xây dựng các cụm pano, áp phích tuyên truyền về các quy định về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi và tác hại của việc lựa chọn giới tính khi sinh tại thôn xã, nơi tập trung dân cư, cơ sở cung cấp dịch vụ có liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi.

2.3. Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về cấm các hình thức lựa chọn giới tính thai nhi:

Phổ biến các văn bản quy định nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi cho **lãnh đạo** các cơ sở có khả năng cung cấp dịch vụ siêu âm, nạo phá thai và **cán bộ** trực tiếp tham gia

cung cấp dịch vụ này nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm cho các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện nghiêm những quy định của pháp luật.

Tổ chức cho các đơn vị, cá nhân cung cấp dịch vụ có liên quan cam kết không lựa chọn giới tính thai nhi và tham gia tuyên truyền về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh.

**Giám sát, đánh giá** việc thực hiện pháp luật của Nhà nước và quy chế, quy định, điều lệ của tổ chức về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi.

### **3. Nâng cao chất lượng dân số:**

#### **3.1 Tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn**

Hoạt động Tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân tại cộng đồng được duy trì tại các xã, TT trong toàn huyện.

Nội dung hoạt động thực hiện theo Quyết định số 25/QĐ-BYT ngày 07/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân. Tập trung chủ yếu vào các hoạt động:

- Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ trước hôn nhân;
- Tổ chức hội thảo, nói chuyện chuyên đề về chăm sóc SKSS cho nam, nữ thanh niên;
- Tổ chức kiểm tra sức khỏe, phát hiện, tư vấn về các nguy cơ sinh con bị khuyết tật, dị tật cho nam, nữ chuẩn bị kết hôn.
- Đối với địa bàn xã mở rộng, ngoài các hoạt động nêu trên bổ sung thêm hoạt động xây dựng điểm tư vấn tại xã (02 điểm/xã).
- Đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ khám sức khỏe tiền hôn nhân theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư 26 và các văn bản có liên quan.

#### **3.2. Tầm soát, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh**

Triển khai đồng bộ các giải pháp về tuyên truyền giáo dục, chuyên môn kỹ thuật, tạo chuyển biến rõ rệt trong các hoạt động nâng cao chất lượng dân số. Đây mạnh hoạt động tầm soát, chẩn đoán trước và sơ sinh nhằm nâng cao sức khỏe, giảm bệnh, tật bẩm sinh của trẻ sơ sinh, nhất là bệnh, tật và tử vong có liên quan đến các yếu tố di truyền. Duy trì thực hiện tại 14 xã, thị trấn trong huyện.

a) Hoạt động tầm soát, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn tại Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 của Bộ Y tế về hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; Thông tư 30/2019/TT-BYT ngày 03/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BYT; Quyết định số 573/QĐ-BYT ngày 11/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy trình Sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh.

Đối tượng được nhà nước hỗ trợ chi thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh (bằng kỹ thuật siêu âm) và sơ sinh (2 bệnh: thiếu men G6PD và suy giáp trạng bẩm sinh): thực hiện theo quy định tại Thông tư 26 và các văn bản hướng dẫn có liên quan, cụ thể như sau:

- Đối tượng: theo quy định tại Thông tư 26. Về xác định vùng có nguy cơ cao, vùng nhiễm chất độc dioxin, Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh tham mưu Sở Y tế trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tạm thời danh mục vùng có nguy cơ cao của địa phương để thực hiện.

- Hỗ trợ chi sàng lọc, chẩn đoán trước sinh:

- + Mỗi thai phụ thực hiện 02 lần, gồm siêu âm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và tư vấn trước và sau sàng lọc.

- + Lấy máu khô ngón tay thai phụ (nếu có): nội dung chi và mức chi tương đương với lấy mẫu máu khô trong sàng lọc sơ sinh.

- Hỗ trợ chi sàng lọc bằng kỹ thuật xét nghiệm trên mẫu máu khô 02 bệnh suy giáp trạng bẩm sinh và thiếu men G6PD: công lấy mẫu máu khô gót chân trẻ sơ sinh, tư vấn trước và sau sàng lọc, gửi mẫu và thông báo kết quả.

- Hỗ trợ chi phí đi lại (một lượt đi và về) đối với đối tượng phải chuyển tuyến theo chuyên môn phân tuyến kỹ thuật và chỉ định của Thủ trưởng cơ sở khám chữa bệnh.

b) Hoạt động hỗ trợ can thiệp sàng lọc trước sinh và sơ sinh tại địa bàn bao gồm: hỗ trợ đào tạo, tập huấn kỹ thuật, in ấn sổ sách ghi chép, theo dõi quản lý đối tượng.

c) Các trường hợp thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh không thuộc diện được ngân sách nhà nước hỗ trợ (xã hội hóa, tự chi trả...): thực hiện theo Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm Y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp và Thông tư số 14/2019/TT-BYT.

### **3.3. Nâng cao chất lượng dân số các dân tộc ít người**

Hoạt động tại các xã, TT có tỷ lệ người dân tộc thiểu số (dân tộc K'Ho, Mạ, H mông...) tương đối cao trong địa bàn huyện.

Nội dung hoạt động chủ yếu: Tổ chức các hoạt động tư vấn nhằm giảm tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, hỗ trợ về sinh hoạt câu lạc bộ tư vấn và khám sức khỏe trước hôn nhân, chăm sóc SKSS/KHHGD; tổ chức các hoạt động xã hội, hỗ trợ điều kiện về sinh hoạt, vệ sinh môi trường, chăm sóc SKSS/KHHGD phù hợp với tập quán từng dân tộc thiểu số.

Nội dung chi và mức chi theo Thông tư 26 và các quy định chế độ tài chính hiện hành.

### **4. Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi**

Thực hiện theo kế hoạch số: 59/KH-UBND ngày 8/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm. V/v Triển khai Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn huyện Bảo Lâm giai đoạn 2018-2020.

- Triển khai các dịch vụ “thân thiện với gia đình và cộng đồng”, hỗ trợ người cao tuổi luyện tập tự chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân làm dịch vụ tư vấn và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

Nội dung chi và mức chi cụ thể theo Thông tư 26 và các quy định chế độ tài chính hiện hành.

### **5. Truyền thông về dân số và phát triển**

5.1. Đẩy mạnh truyền thông việc triển khai thực hiện Nghị quyết 21/NQ-TW và các nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động; Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 tại địa phương, tạo sự chuyển biến căn bản về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về nhiệm vụ, nội dung công tác dân số trong tình hình mới.

5.2. Triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động, giáo dục, tập trung vào những nội dung sau:

- Nâng cao chất lượng thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, bảo đảm quyền, trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Tập trung vận động sinh ít con hơn ở vùng, đối tượng có mức sinh cao; duy trì kết quả ở nơi đã đạt mức sinh thay thế; sinh đủ hai con ở những nơi có mức sinh thấp.

- Nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, đề cao vai trò, vị thế của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình và xã hội. Đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi nhận thức, tạo dư

luận xã hội phê phán các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi. Giáo dục nâng cao ý thức, nghiêm cấm lạm dụng khoa học - công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi.

- Vận động thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, không tảo hôn, không kết hôn cận huyết thống; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

- Giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường, phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khỏe sinh sản đúng đắn, có hệ thống ở thể hệ trẻ.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi người dân, gia đình và toàn xã hội trong việc phát huy vai trò, kinh nghiệm của người cao tuổi, thực hiện chăm sóc người cao tuổi, xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khơi dậy phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe, tầm vóc, thể lực người Việt Nam.

### 5.3. Phương thức, hình thức truyền thông

- Truyền thông trực tiếp thông qua đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của các ngành các cấp, cộng tác viên dân số ở thôn, bản, tổ dân phố, đơn vị sản xuất.

- Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là hệ thống thông tin ở cơ sở: tin, bài trực tiếp; lồng ghép vào các sản phẩm văn hóa, văn nghệ, giải trí.

- Truyền thông qua các nền tảng kỹ thuật số, các trang internet, mạng xã hội...

- Lồng ghép nội dung dân số vào sinh hoạt cộng đồng, lễ hội văn hóa...

- Cung cấp thông tin về công tác dân số trong tình hình mới cho lãnh đạo cấp ủy, chính quyền thông qua hội nghị báo cáo viên của các cấp ủy đảng, các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của hệ thống các trường chính trị, hành chính các cấp, hội nghị chuyên đề, hội thảo khoa học...; Cung cấp tài liệu định kỳ nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ, cam kết mạnh hơn, ban hành chính sách, bổ sung nguồn lực.

- Vận động, phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo, già làng, trưởng bản, người uy tín trong cộng đồng, người có ảnh hưởng đến cộng chúng tham gia tuyên truyền, vận động người dân thực hiện chính sách dân số.

- Hoàn thiện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài trường.

- Phối hợp với Trung tâm văn hóa tổ chức sự kiện truyền thông, duy trì chuyên mục, chuyên trang, phóng sự, tin bài thường xuyên về chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân số.

- Tăng cường sự phối hợp và tham gia của các ban, ngành, đoàn thể để lồng ghép các nội dung tuyên truyền-giáo dục về dân số và phát triển vào hoạt động thường xuyên của ban, ngành, đoàn thể nhằm tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, hội viên, đoàn viên của các ban, ngành, đoàn thể.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông thường xuyên và lưu động đến các nhóm đối tượng khó tiếp cận như người lao động di cư, người tàn tật, người cao tuổi. Đặc biệt là kiến thức, hành vi và kỹ năng sống về tình dục, tránh mang thai ngoài ý muốn, phá thai an toàn, phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục kể cả HIV/AIDS.

Nội dung chi và mức chi cụ thể theo Thông tư 26 và các quy định chế độ tài chính hiện hành.

### 6. Thông tin số liệu, cơ sở dữ liệu điện tử chuyên ngành DS-KHHGD

- Hoàn thiện hệ thống thông tin số liệu, dữ liệu điện tử chuyên ngành phù hợp với hệ thống chỉ tiêu quốc gia, chỉ tiêu ngành y tế, chỉ tiêu dân số và phát triển.

- Tiếp tục duy trì ổn định hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành dân số bao gồm: thu thập, cập nhật thông tin từ phiếu thu tin, sổ AO vào kho dữ liệu điện tử các cấp; thực hiện chế độ báo cáo thông kê điện tử định kỳ tháng, quý, năm (theo Quyết định số 18/QĐ - TCDS ngày 17/03/2016 và Hướng dẫn số 96/TCDS-KHTC ngày 18/3/2016); Quyết định số 152/QĐ - CCDS ngày 23/11/2017 của Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh Lâm Đồng, về việc ban hành biểu mẫu báo cáo thông kê chuyên ngành phục vụ quản lý và điều hành công tác Dân số và phát triển.

- Duy trì, vận hành ổn định kho dữ liệu điện tử các cấp: Kiểm tra, giám sát; hướng dẫn quy trình, rà soát cơ sở dữ liệu.

- Tăng cường phân tích, khai thác số liệu từ kho Dữ liệu điện tử để cung cấp đầy đủ kịp thời, chính xác thông tin phục vụ yêu cầu quản lý điều hành về dân số và trao đổi, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu khác.

- Đối chiếu, rà soát thông tin số liệu giữa hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành dân số với kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 để phân tích, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng số liệu của hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành về dân số.

- Tổ chức hệ thống báo cáo định kỳ các hoạt động dân số trên địa bàn huyện phục vụ quản lý, điều hành công tác dân số của các cấp quản lý.

Nội dung chi và mức chi cụ thể theo Thông tư 26 và các quy định chế độ tài chính hiện hành.

#### **7. Xây dựng các văn bản, kế hoạch. Kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành và hoạt động quản lý:**

Xây dựng các văn bản, hướng dẫn triển khai hoạt động dân số trong Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, các đề án, dự án có liên quan. Tham mưu xây dựng và hoàn thiện các chính sách, chế độ và văn bản hướng dẫn về tổ chức bộ máy làm công tác DS-KHHGĐ các xã, TT.

Tăng cường kiểm tra, giám sát về tình hình thực hiện công tác dân số, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại các xã, TT.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách (Nghị định 39/NĐ-CP).

Thực hiện Quản lý Chương trình DS-KHHGĐ cấp xã, TT.

Thực hiện tốt các chương trình, dự án hợp đã ký kết với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ như dự án do Tổ chức Marie Stopes International viện trợ.

Nội dung và mức chi cụ thể theo Thông tư 26 và các quy định chế độ tài chính hiện hành.

Trên đây là kế hoạch thực hiện chương trình Dân số và phát triển 2021 của Trung tâm Y tế huyện Bảo Lâm./.

#### **Nơi nhận:**

- Chi cục DS - KHHGĐ;
- Phòng KHNV
- Lưu VT.

**GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Phú Lương**

